

**GIAO TOÀN ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 9 - 2022

V/v ly hôn giữa anh T và chị P

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Thu Hương

Bà Trần Thị Hải Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Thị Thu Huyền, kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Dương Văn T, sinh năm 1988; Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố số 13, thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ: Số nhà 672 B, đường Vũ Hữu L, xã V, thành phố Đ, tỉnh Nam Định (vắng mặt);

- *Bị đơn:* Chị Cao Thị P, sinh năm 1989 địa chỉ: Xóm Trai, xã C, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Dương Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Cao Thị P kết hôn tự nguyện, đăng ký tại trụ sở UBND thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 27/11/2008. Sau khi kết hôn anh và chị P chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, chung sống không hoà hợp. Anh và chị P đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Anh xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ, không còn khả năng đoàn tụ, đề nghị xin được ly hôn chị P.

Về con chung chưa thành niên: Anh và chị P có 02 con chung là cháu Dương Bảo L, sinh ngày 03/11/2009 và cháu Dương Bảo N, sinh ngày 27/01/2012. Từ khi anh và chị P sống ly thân đến nay, anh là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Sau ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị:

Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Dương Văn T và chị Cao Thị P.

Về con chung chưa thành niên: Tiếp tục giao 02 con chung là cháu Dương Bảo L, sinh ngày 03/11/2009 và cháu Dương Bảo N, sinh ngày 27/01/2012 cho anh Dương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

Về án phí: Anh Dương Văn T phải nộp án phí ly hôn 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị P.

[2] *Về hôn nhân:* Anh Dương Văn T và chị Cao Thị P kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện T vào tháng 11/2008 là hôn nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa anh T và chị P bất đồng quan điểm, chung sống không

hòa hợp. Anh T và chị P đã sống ly thân từ nhiều năm (từ năm 2017), điều đó thể hiện tình cảm giữa anh T và chị P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung chưa thành niên*: Anh T và chị P có 02 con chung là cháu Dương Bảo L, sinh ngày 03/11/2009 và cháu Dương Bảo N, sinh ngày 27/01/2012. Hiện nay chị P đi làm ăn xa thường xuyên vắng nhà nên không có điều kiện chăm sóc các con chung, nguyện vọng của con chung, muốn được ở với anh T. Từ khi anh T và chị P sống ly thân, anh T là người trực tiếp nuôi 02 con chung, đảm bảo được quyền và lợi ích của các con chung. Do vậy yêu cầu của anh T được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Điều 81, 82 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung*: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Dương Văn T và chị Cao Thị P.

2. Về con chung chưa thành niên: Anh Dương Văn T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Bảo L, sinh ngày 03/11/2009 và cháu Dương Bảo N, sinh ngày 27/01/2012. Chị Cao Thị P không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Dương Văn T. Chị Cao Thị P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí : Anh Dương Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số 0004689 ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Dương Văn T và chị Cao Thị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND thị trấn G;
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Thịnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thịnh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã La Phù, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội;
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thịnh